



shòu xǐ

受洗

verb · to be baptized

Example Sentences

tā qù nián zài jiào táng shòu xǐ
他去年在教堂受洗。

He was baptized in the church last year.

shòu xǐ shì jī dū jiào de zhòng yào yí shì
受洗是基督教的 重 要仪式。

Baptism is an important ceremony in Christianity.

Trace each character, then write the word on your own.

受	受	受	受	受	受	受	受	受	受	受
洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗	洗
洗										